

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày: 29/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nay Phên.
- Ông Phan Nam Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo:

Ksor Y P, sinh ngày 20/9/1980 (tên gọi khác: không) tại huyện S, tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký thường trú: Buôn B, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký tạm trú: Ấp A, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Ê Đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nay L, sinh năm 1954 và bà Ksor Hờ T, sinh năm 1958; gia đình có 11 anh chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; bị cáo chung sống như vợ chồng từ năm 2004 đến năm 2014 với chị Nie H, sinh năm 1984 có 01 người con chung sinh năm 2005; chung sống như vợ chồng từ năm 2020 đến nay với chị H-Sa Phô R, sinh năm 2002 có 03 người con chung, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện I (nay là P1 trại tạm giam huyện I) từ ngày 06/6/2024 cho đến nay. Có mặt.

*** Bị hại:**

- Ông Rơ Ô M, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn A, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Siu T1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn A, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Anh Võ Phước L1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện B, tỉnh Long An. Vắng mặt.

- Ông Võ Văn T2, sinh năm 1957; nơi cư trú: Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

- Chị Võ Thị Thanh H2, sinh năm: 1985; nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện B, tỉnh Long An. Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Anh Đặng Thanh T3, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Long An. Vắng mặt.

- Anh Siu Đ, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn A, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

** Người phiên dịch:*

- Người phiên dịch tiếng Jarai: Bà Ksor H3, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Đ, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Ê Đê: Bà H'Krem Buôn Y, sinh năm 1957; nơi cư trú: B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên Ksor Y P đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách đưa ra thông tin gian dối về việc bán xe máy cày, máy cuộn rom rẻ hơn giá thị trường cho ông Rơ Ô M và ông Siu T1 để tạo dựng lòng tin nhằm chiếm đoạt số tiền mà ông M và ông T1 gửi cho P. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 9/2022, tại xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai, P đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông M và ông T1, cụ thể như sau:

** Vụ thứ nhất:*

Ông Rơ Ô M có quen biết Ksor Y P từ năm 2013. Đến đầu tháng 6/2022, P đến nhà ông M ở thôn A, xã I, huyện I để chơi. Tại đây, P đưa ra thông tin gian dối rằng bản thân đang làm việc tại Công ty của Nhật Bản, chuyên mua bán các loại xe máy cày, máy cắt lúa và các loại máy nông cơ khác. Phon nói nếu ông M mua máy cày thông qua Phon thì giá sẽ rẻ hơn thị trường hoặc có thể nhận xe rồi sẽ trả góp theo từng năm, từng mùa vụ. Nghe vậy, ông M tin tưởng nên đặt mua 01 xe máy cày hiệu “Kubota L5018” (Phon báo giá của máy cày khoảng từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng). Phon nói ông M cứ chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng B số 6360371409 mang tên Ksor Y P để P đặt cọc tiền cho

Công ty. Sau đó, P ra về và nói dối rằng đi về Công ty để chọn xe máy cày cho ông M.

Một tuần sau, P gọi điện thoại cho ông M, hỏi thúc ông M chuyển tiền để đặt mua xe máy cày. Ngày 09/6/2022, ông M dùng tài khoản Ngân hàng A số 5014215002225 chuyển số tiền 15.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng của Y P. Sau khi nhận được tiền ông M chuyển đến, P đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết và tiếp tục đưa ra thông tin gian dối yêu cầu ông M chuyển tiền thêm cho P để P gửi cho Công ty Đ1 mua máy cày, nếu ông M không chuyển tiền thì Công ty sẽ bán máy cày cho người khác. Do tin tưởng nên vào các ngày 19/8/2022, 25/8/2022 và 29/8/2022, ông M đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng của P số tiền lần lượt là 6.000.000 đồng, 20.000.000 đồng và 34.000.000 đồng. Số tiền này, Ksor Y P đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau đó, ông M gọi điện thoại cho P hỏi về xe máy cày thì P nói do ông M chuyển chưa đủ tiền nên chưa giao xe. Đồng thời, P đưa ra thông tin gian dối rằng Phon bán xe vượt chỉ tiêu của Công ty nên được Công ty U, cho P bán máy cuộn rơm giá rẻ hơn so với thị trường, P giới thiệu cho ông M mua máy cuộn rơm với giá là 220.000.000 đồng thì ông M đồng ý. Vào các ngày 31/8/2022, 01/9/2022, 09/9/2022 và 18/9/2022, ông M đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng của P số tiền lần lượt là 35.000.000 đồng, 10.000.000 đồng, 10.000.000 đồng và 2.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 09/6/2022 đến ngày 18/9/2022, ông M đã chuyển cho P tổng cộng số tiền là 132.000.000đ (một trăm ba mươi hai triệu đồng), P đã chiếm đoạt và tiêu xài hết số tiền trên. Sau đó, ông M nhiều lần gọi điện thoại cho P để hỏi về xe máy cày và máy cuộn rơm thì P vẫn tiếp tục trì hoãn. Phon gửi hình ảnh, video xe máy cày, máy cuộn rơm qua tài khoản Zalo của ông M và nói dối rằng xe máy cày đang được tập kết, chuẩn bị bàn giao xe. Đến tháng 6/2023 thì P cắt đứt liên lạc với ông M và bỏ trốn.

* Vụ thứ hai:

Khoảng tháng 8/2022, thông qua ông Rơ Ô M thì ông Siu T1 biết việc Ksor Y P bán xe máy cày nên ông T1 chủ động xin số điện thoại của P để liên lạc. Khi ông T1 gọi điện thoại trao đổi thì P cũng đưa ra thông tin gian dối rằng P đang làm việc tại Công ty của Nhật Bản chuyên mua bán các loại xe máy cày, máy cắt lúa và các loại máy nông cơ khác. Lúc này, ông T1 tin tưởng và đặt mua 01 xe máy cày hiệu “Massey Ferguson 3065” cùng dàn xới, dàn chảo và dàn trồng mỳ với giá tổng cộng là 310.000.000 đồng. Phon nói ông T1 cứ chuyển tiền đến tài khoản Ngân hàng B của P để P đặt cọc tiền cho Công ty, nếu không gửi tiền thì Công ty sẽ bán máy cày cho người khác.

Ngày 20/8/2022, ông T1 dùng tài khoản Ngân hàng A số 5014205011212 chuyển số tiền 20.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng của P. Sau đó, P đã tiêu xài hết số tiền trên và tiếp tục hỏi thúc ông T1 phải đặt cọc thêm tiền mua xe máy cày. Vì tin tưởng nên ngày 22/8/2022 và 06/9/2022, ông T1 tiếp tục chuyển số tiền 35.000.000 đồng và 15.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng của P. P tiếp

tục chiếm đoạt và tiêu xài hết số tiền trên. Sau đó, ông T1 gọi điện thoại cho P yêu cầu giao xe máy cày thì P tiếp tục hứa hẹn.

Do P đã tiêu xài hết số tiền mà ông T1 chuyển, P nghĩ nếu không có xe máy cày để bàn giao thì ông T1 sẽ trình báo Cơ quan Công an nên ngày 22/9/2022, P đến Cơ sở nông ngư cơ “Phước Lộc” của ông Võ Phước L1 (ở ấp A, xã M, huyện B, tỉnh Long An), để tìm mua xe máy cày. Do ông L1 đi vắng nên ông Võ Văn T2 (là cha của ông L1) trực tiếp giao dịch với P. Phon hỏi xe máy cày hiệu “Massey ferguson 3065” thì ông T2 báo giá là 310.000.000 đồng, giá trên chưa kèm dàn xới, dàn chảo và dàn trồng mì. P đồng ý và đặt cọc số tiền 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng A (chủ tài khoản Võ Thị Thanh H2 là con của ông T2 và là em gái của ông L1). Sau đó, P yêu cầu ông T2 cho tài xế chở xe máy cày đến huyện I, tỉnh Gia Lai thì sẽ trả đủ tiền nên ông T2 đồng ý và cho ông Đặng Thanh T3 lái xe tải chở P cùng xe máy cày hiệu “Massey ferguson 3065” đi từ tỉnh Long An đến nhà ông T1 ở huyện I, tỉnh Gia Lai. Cơ sở N cơ “P” đã xuất Hóa đơn bán hàng số 00000105 đề ngày 22/9/2022 đối với việc bán xe máy cày nêu trên, tuy nhiên giá trị xe máy cày ghi trên hóa đơn là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Ngày 23/9/2022, ông T1 thấy Ksor Y P đưa xe máy cày hiệu “Massey Ferguson 3065” đến thì ông T1 tin tưởng và chuyển thêm số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản của P, đồng thời đưa thêm tiền mặt 90.000.000 đồng cho P để trả tiền mua xe máy cày. Phon viết giấy nhận tiền, ký tên vào giấy và đưa giấy cho ông T1 giữ. Sau đó, P chuyển tổng cộng số tiền 220.000.000 đồng cho Cơ sở nông ngư cơ “Phước Lộc” thông qua tài khoản số 6440205520806 (chủ tài khoản Võ Thị Thanh H2) và chuyển số tiền 8.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A số 6440205431264 của ông T3 để trả tiền cước vận chuyển xe. P tiếp tục chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng còn lại, sau đó P đã tiêu xài cá nhân hết.

Do P không chuyển đủ số tiền 310.000.000 đồng nên ông Võ Văn T2 không đồng ý bàn giao xe máy cày và yêu cầu ông T3 chở xe máy cày quay về tỉnh Long An. Trước khi rời đi, ông T3 đã cho ông T1 số điện thoại của ông T2 để liên lạc. Qua trao đổi, ông T1 biết được P chỉ mới chuyển số tiền 230.000.00 đồng cho Cơ sở nông ngư cơ “Phước Lộc” nên Cơ sở không bàn giao xe. P tiếp tục nói dối rằng số tiền 70.000.000 đồng còn lại đã được P đặt cọc cho người khác để mua dàn xới, dàn chảo và dàn trồng mì nên P chưa giao đủ tiền cho Cơ sở nông ngư cơ “P”. Phon hứa sẽ xoay sở tiền đưa cho Cơ sở nông ngư cơ “P” để mua máy cày cho ông T1, tuy nhiên P không làm và bỏ đi. Về sau, ông T1 gọi điện thoại cho P hỏi về xe máy cày thì P tiếp tục trì hoãn. Đến tháng 6/2023 thì P cắt đứt liên lạc với ông T1 và bỏ trốn.

Tổng cộng ông T1 đã chuyển cho P số tiền 310.000.000đ (ba trăm mười triệu đồng) nhưng P chỉ chuyển cho Cơ sở nông ngư cơ “Phước Lộc” số tiền 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) và chuyển trả tiền cước xe là 8.000.000đ (tám triệu đồng), số tiền còn lại là 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng) thì P đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết.

Về phần ông T1 sau đó đã tự liên lạc với ông T2 và được ông T2 chuyển giao cho 01 xe máy cày hiệu “Case 895” tương ứng với số tiền 230.000.00 đồng mà trước đó P đã chuyển cho Cơ sở này, đồng thời ông T2 cũng giao cho ông T1 hóa đơn bán hàng số 00000105 đề ngày 22/9/2022. Đến nay, ông T1 vẫn đang sử dụng xe máy cày hiệu “Case 895”.

Ngày 04/02/2024 ông Rơ Ô M đến cơ quan Công an trình báo sự việc. Cơ quan điều tra đã thụ lý giải quyết theo quy định.

* *Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:* Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo, sim số 0976.150.847, sim số 0355.394.576 và sim số 0888.350.099 Ksor Y P sử dụng để liên lạc, quay video, chụp ảnh xe máy cày, máy cuộn rom,... gửi cho ông M và ông T1. Điện thoại và các sim trên sau đó đã hỏng nên P đã đốt, hủy điện thoại và các sim nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

* *Về phần dân sự:* Ông Rơ Ô M yêu cầu Ksor Y P bồi thường số tiền 132.000.000đ (một trăm ba mươi hai triệu đồng), ông Siu T1 yêu cầu Phon bồi thường số tiền 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng). Phon đồng ý bồi thường số tiền trên nhưng đến nay chưa thực hiện.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 12/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai đã truy tố Ksor Y P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Ksor Y P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ksor Y P mức án tù 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 06/6/2024. Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, sim số 0976.150.847, sim số 0355.394.576 và sim số 0888.350.099, bị cáo đã đốt không thu giữ được nên không đề cập xử lý. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho ông M 132.000.000 đồng và bồi thường cho ông Siu T1 72.000.000 đồng. Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Ksor Y P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Ksor Y P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thống nhất với cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bị cáo ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại ông Rơ Ô M yêu cầu Ksor Y P bồi thường số tiền 132.000.000đ (một trăm ba mươi hai triệu đồng), ông Siu T1 yêu cầu Phon bồi thường số tiền 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng) và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra tại địa bàn huyện I, tỉnh Gia Lai nên về thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng huyện I, tỉnh Gia Lai. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện I, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Ksor Y P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra Công an huyện I, với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Ksor Y P đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Từ tháng 6/2022 đến tháng 9/2022, tại xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai, bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối về việc bán xe máy cày, máy cuộn rơm cho ông Rơ Ô M và máy cày, dàn xới, dàn chảo và dàn trồng mì cho ông Siu T1 để tạo lòng tin nhằm chiếm đoạt tiền của ông M và ông T1, bị cáo đã thực hiện được 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông M và ông T1, cụ thể: Ksor Y P chiếm đoạt của ông M số tiền 132.000.000đ (một trăm ba mươi hai triệu đồng), chiếm đoạt của ông T1 số tiền 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng), tổng cộng là 204.000.000đ (hai trăm lẻ bốn triệu đồng). Hành vi của bị cáo Ksor Y P đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây hậu quả xấu làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì tham lam, lười lao động, thích hưởng lợi bất chính trên thành quả lao động của người khác nên đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời qua đó răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn tại địa phương.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Ksor Y P trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo, sim số 0976.150.847, sim số 0355.394.576 và sim số 0888.350.099 Ksor Y P sử dụng để liên lạc, quay video, chụp ảnh xe máy cày, máy cuộn rom gửi cho ông M và ông T1. Điện thoại và các sim trên sau đó đã hỏng nên P đã đốt, hủy điện thoại và các sim, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Rơ Ô M yêu cầu Ksor Y P bồi thường số tiền 132.000.000 đồng, ông Siu T1 yêu cầu P2 bồi thường số tiền 72.000.000 đồng. Đây là các khoản tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại.

[6] Đối với Cơ sở nông ngư cơ “Phước Lộc” do ông Võ Phước L1 làm chủ, đã bán xe máy cày cho ông Siu T1 với giá 230.000.000 đồng nhưng Cơ sở đã xuất Hóa đơn bán hàng ghi giá trị xe là 25.000.000 đồng. Hành vi trên có dấu hiệu của tội “Trốn thuế” quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự. Do sự việc xảy ra tại huyện B, tỉnh Long An nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I đã thông tin trao đổi và chuyển tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điều 48; Điều 50; điểm s khoản 1, Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 135, Điều 136 và Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Ksor Y P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Ksor Y P 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 06/6/2024.

3. Về dân sự:

Buộc bị cáo Ksor Y P phải bồi thường cho Rơ Ô M số tiền 132.000.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Buộc bị cáo Ksor Y P phải bồi thường cho ông Siu T1 số tiền 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Ksor Y P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 10.200.000 đồng (mười triệu hai trăm nghìn đồng).

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/4/2025), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa;
- Chi cục THADS huyện I;
- Cơ quan CSĐT;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Nga